

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày: 27-4-2023

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đàm Kiến Dân**

2/ Ông **Nguyễn Hùng Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công kích vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 3 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/ **Trần Văn C** (Tên gọi khác: C Cày), sinh ngày 20/7/2001, tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Trần Văn L và bà Võ Thị L; Chưa có vợ, con. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2022 đến ngày 25/6/2022 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo C: Ông Nguyễn Thanh T – Luật Sư – Đoàn Luật Sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

2/ **Trần Văn T** (Tên gọi khác: T Mập), sinh ngày 20/12/1995, tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Trần Văn L và bà Võ Thị L; Có vợ, 01 con sinh năm 2019. Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/01/2022 đến ngày 05/4/2022 được

thay thế bằng biện pháp bảo lãnh của Viện kiểm sát NH dân thị xã Gò Công. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T: Ông Nguyễn Thanh T – Luật Sư – Đoàn Luật Sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

3/ **Nguyễn Hoàng M** (Tên gọi khác: M Nám), sinh ngày 27 tháng 02 năm 2002, tại huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Nguyễn Hoàng Gi (chết) và bà Võ Thị Yên H; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt giam từ ngày 11/02/2022. Có mặt tại phiên tòa.

4/ **Lâm Văn K**, sinh ngày 25/01/2004, tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Lâm Văn Tuấn. Mẹ: Vô danh; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 24/9/2022. Có mặt tại phiên tòa.

5/ **Nguyễn Nhật M** (Tên gọi khác: M Dương), sinh ngày 28 tháng 11 năm 2000, tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Thanh M; Có vợ, chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/01/2023 (thời gian tạm giam trước từ ngày 28/01/2022 đến ngày 02/8/2022). Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nhật M: Ông Ngô Trung H – Luật Sư – Đoàn Luật Sư tỉnh Tiền Giang (Có mặt).

6/ **Lê Hữu H**, sinh ngày 04/02/2004; tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Mỹ Xuân, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Lê Văn Tiễn và bà Nguyễn Thị Tuyết; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại; Có mặt tại phiên tòa.

7/ **Nguyễn Ngọc T** (Tên gọi khác: Bi), sinh ngày 19 tháng 4 năm 2004, tại thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp Trí Đồ, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Nguyễn Ngọc Nh (chết) và bà Trần Thị N; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2022. Có mặt tại phiên tòa.

8/ **Ngô Văn Đ** (Tên gọi khác: Nhí), sinh ngày 02 tháng 5 năm 2004, tại huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Ấp 5, xã

Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Con ông Ngô Văn O và bà Phạm Thị Th; Chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt giam từ ngày 11/02/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

1. Anh **Trần Trọng K**, sinh năm 1996 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Xuân, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

2. Anh **Nguyễn Thanh P**, sinh năm 2004 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Xuân, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Đình Hoài H**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Xuân, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

2. Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

3. Chị **Võ Thị Yến H**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;

4. Chị **Trần Thị Th**, sinh năm 1997 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

5. Chị **Trần Thị Thúy K**, sinh năm 2003 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Ông Cai, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

6. Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1985 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Trí Đồ, xã Bình Đông, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

7. Anh **Ngô Văn O**, sinh năm 1980 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 5, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang;

8. Bà **Trần Thị M**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Xuân, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang;

9. Bà **Nguyễn Thị Thanh M**, sinh năm 1963 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

10. Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1994 (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang

- Người làm chứng: Anh **Mai Trần Anh L**, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Xã Lối, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ ngày 20/11/2021, anh Trần Trọng K, anh Nguyễn Thanh P và anh Đinh Hoài H đang ngồi uống bia tại nhà của anh K. Cùng lúc này, bị cáo Trần Văn C đang ngồi uống nước tại ấp Gò Xoài, xã Tân Trung, thị xã Gò Công cùng bị cáo Lâm Văn K và bị cáo Nguyễn Ngọc T. Khi bị cáo C đang giữ điện thoại di động của bạn gái là Trần Thị Thuý Kiều, bị cáo C nhìn thấy trên điện thoại hiển thị bình luận trên mạng xã hội Facebook của K với nội dung trêu ghẹo bạn gái bị cáo C. Bị cáo C gọi điện thoại cho K để nói chuyện thì hai bên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi qua lại. K hẹn bị cáo C đến chợ Xã Lới thuộc xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang để giải quyết mâu thuẫn.

Nghe lời khiêu khích của K, bị cáo C rủ bị cáo K, bị cáo T cùng đi tìm gặp K để giải quyết mâu thuẫn. K cũng rủ anh P và anh H cùng đi ra chợ Xã Lới để gặp bị cáo C.

Trên đường đi, bị cáo C gọi điện thoại rủ thêm anh ruột là bị cáo Trần Văn T, bị cáo Ngô Văn Đ, bị cáo Nguyễn Nhật M để đi tìm gặp K. Bị cáo Nhật M đang ngồi cùng bị cáo Nguyễn Hoàng M nên bị cáo Nhật M rủ bị cáo Hoàng M đi cùng. Cả nhóm hẹn gặp nhau tại cầu Gò Xoài gần nhà Nguyễn Quốc Tuấn.

Tại điểm hẹn, bị cáo C thấy có bị cáo Lê Hữu H nên rủ bị cáo H cùng đi đến chỗ K. Bị cáo C chạy về nhà lấy 02 cây dao tự chế (kiểu mã tấu) rồi quay lại; nhóm còn lại ở điểm hẹn chuẩn bị lấy được thêm 04 cây dao tự chế. Cả nhóm mang theo 06 cây dao tự chế, trong đó: bị cáo C cầm 02 cây dao, bị cáo T cầm 01 cây dao, bị cáo K cầm 01 cây dao, bị cáo Hoàng M cầm 01 cây dao. Sau đó, cả nhóm cùng nhau đi đến chợ Xã Lới bằng 03 xe mô tô hai bánh, trong đó xe thứ nhất do bị cáo Đ điều khiển chở bị cáo C và bị cáo T, xe thứ hai do bị cáo H điều khiển chở bị cáo T và bị cáo K, xe còn lại do bị cáo Nhật M chở bị cáo Hoàng M.

Nhóm K, P và H ra đến chợ Xã Lới ngồi đợi khoảng 15 phút thì nhóm của bị cáo C chạy đến. Khi vừa đến nơi, bị cáo C cầm dao xông vào trước; Bị cáo T, T, K, Hoàng M cầm dao đi phía sau; Bị cáo H, Nhật M đứng ngoài giữ xe quan sát. Khi bị cáo C nhìn thấy anh K đang đứng trước sân chợ Xã Lới thì la lên: “*Tụi nó kia*”, rồi cầm dao đến chém vào người anh K 01 nhát (không rõ trúng lưng hay cH). K chụp được cây dao của bị cáo C và giằng co với nhau, thấy vậy bị cáo Nhật M kêu lên: “*Tụi nó đánh C Cây kia*”. Bị cáo K chạy đến dùng dao chém 01 nhát trúng hông sau của K. Bị cáo C gạt cH làm K té ngã và dùng cH đá vào người anh K 02 - 03 cái làm K bất tỉnh.

Những người còn lại trong nhóm đuổi theo anh P và anh H, anh P bỏ chạy vào nhà lồng chợ thì bị cáo T và bị cáo Hoàng M đuổi kịp chém trúng cH và đầu của anh P; anh H chạy thoát. Nhìn thấy anh em của K bị chém, anh Mai Trần Anh Lực (là anh em họ hàng với K) cầm cây chĩa chạy ra để hù dọa để nhóm của bị cáo C bỏ đi. Nhóm của bị cáo C về lại gần cầu Gò Xoài cất giấu dao tự chế, rồi ai về nhà nấy.

Anh K và anh P được đi cấp cứu và điều trị thương tích tại Bệnh viện đa khoa khu vực Gò Công. Đến ngày 25/11/2021, anh P được chuyển đến Bệnh viện Quận 11, Thành phố Hồ Chí M.

Đối với thương tích của anh Trần Trọng K:

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 434/2021/TgT ngày 14/12/2021 của Trung T Pháp y tỉnh Tiền Giang, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Trần Trọng K là: **04% (bốn phần trăm)**; thương tích do vật sắc gây nên; pH tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương: Sẹo vết thương thất lưng phải tỷ lệ 02 %, sẹo vết thương gối trái tỷ lệ 02 %.

Đối với thương tích của anh Nguyễn Thanh P:

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 433/2021/TgT ngày 14/12/2021, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của Nguyễn Thanh P là: **13% (mười ba phần trăm)**; thương tích do vật sắc gây nên; pH tích tỷ lệ phần trăm từng vết thương: Sẹo vết thương thái dương trái tỷ lệ 01%, sẹo mổ trùng sẹo vết thương từ 1/3 dưới ngoài cẳng cH phải đến gót cH phải tỷ lệ 03 %, gãy mắt cá ngoài cổ cH phải di chứng hạn chế vận động khớp cổ cH phải tỷ lệ 09%.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 120cm; cán bằng sắt dài 70cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.
- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 170cm; cán bằng sắt dài 110cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.
- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 122cm; cán bằng sắt dài 52cm, lưỡi bằng sắt dài 70cm.
- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 110cm; cán bằng sắt dài 50cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.
- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 140cm; cán bằng sắt dài 90cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.

Tại Cáo trạng số 06/CT-VKSTXGC ngày 02 tháng 02 năm 2023 của Viện kiểm sát nH dân thị xã Gò Công đã truy tố các bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T, Nguyễn Hoàng M, Lâm Văn K, Nguyễn Nhật M, Lê Hữu H, Nguyễn Ngọc T và Ngô Văn Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*”, theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

* Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung

* Đại diện Viện kiểm sát nH dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 02 năm 9 tháng tù đến 3 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2022 đến ngày 25/6/2022.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 năm 6 tháng tù đến 02 năm 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M 02 năm 06 tháng tù đến 02 năm 9 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 38/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nH dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm tù đến 06 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn K từ 02 năm 3 tháng tù đến 02 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật M từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 229/2022/HS-PT ngày 08/12/2022 của Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm đến 05 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2023 (trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/01/2022 đến ngày 02/8/2022).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu H từ 02 năm tù đến 02 năm 3 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 02 năm tù đến 02 năm 3 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 139/2022/HS-PT ngày 07/7/2022 của Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang, tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 38/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nH dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền

Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 08 năm 06 tháng đến 08 năm 9 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2022.

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ từ 02 năm tù đến 02 năm 3 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 139/2022/HS-PT ngày 07/7/2022 của Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang, tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 38/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nH dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 09 năm 06 tháng đến 09 năm 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2022.

- Về vật chứng:

+ Đề nghị tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 120cm; cán bằng sắt dài 70cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 170cm; cán bằng sắt dài 110cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 122cm; cán bằng sắt dài 52cm, lưỡi bằng sắt dài 70cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 110cm; cán bằng sắt dài 50cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 140cm; cán bằng sắt dài 90cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.

Về giải quyết trách nhiệm dân sự:

- Anh Trần Trọng K yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích và tổn hại sức khỏe với số tiền 27.179.000 đồng và yêu cầu bị cáo C bồi thường 1.000.000 đồng do bị cáo C làm hư hỏng điện thoại di động.

- Anh Nguyễn Thanh P yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích và tổn hại sức khỏe với số tiền 148.711.983 đồng.

Ông Trần Văn L (cha ruột của bị cáo C và bị cáo T) đã bồi thường cho anh K, anh P với số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); ông L không yêu cầu bị cáo C, bị cáo T trả lại số tiền này.

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Nhật M đã bồi thường cho anh K, anh P với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng); bà Mai không yêu cầu bị cáo Nhật M trả lại số tiền này.

Tại phiên Toà: bị cáo Trần Văn C đã bồi thường cho bị hại K số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) do bị cáo C làm hư hỏng điện thoại di động của anh K. Các bị cáo Ngô Văn Đ, Lâm Văn K, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hoàng M, Lê Hữu H đã bồi thường cho anh K, anh P, cụ thể bị cáo Ngô Văn Đ bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Lâm Văn K bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, đã giao 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 10.000.000 đồng sẽ

giao vào ngày 29/4/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng M bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Lê Hữu H bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo bồi thường thêm là 55.500.000 đồng.

Tổng cộng các bị cáo đã bồi thường xong.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn C trình bày lời bào chữa: Thống nhất với tội danh của bị cáo theo như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét về nH tH của bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội khi 20 tuổi, T sinh lý chưa phát triển toàn diện, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Tại phiên toà, bị cáo vẫn đồng ý bồi thường thêm cho bị hại. Từ các tình tiết giảm nhẹ trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nH dân Tối cao để xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

* Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T trình bày lời bào chữa: Thống nhất với tội danh của bị cáo theo như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét về nH tH của bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo phạm tội khi 20 tuổi, T sinh lý chưa phát triển toàn diện, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Tại phiên toà, bị cáo vẫn đồng ý bồi thường thêm cho bị hại. Từ các tình tiết giảm nhẹ trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nH dân Tối cao để xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

* Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhật M trình bày lời bào chữa: Thống nhất với tội danh của bị cáo theo như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thành khẩn Ki báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Từ các tình tiết giảm nhẹ trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xét xử cho bị cáo dưới khung hình phạt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

- Bị cáo C đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về phụ giúp gia đình.

- Bị cáo T đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về phụ giúp gia đình.

- Bị cáo Hoàng M đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để về phụ giúp gia đình.

- Bị cáo Nhật M đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo Đ đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo T đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo H đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo K đã biết lỗi do mình gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay:

[2.1] Các bị cáo cùng Ki nhận, Vào ngày 20/11/2021, tại chợ Xã Lới thuộc ấp Xã Lới, xã Tân Trung, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, bị cáo Trần Văn C, bị cáo Trần Văn T, bị cáo Nguyễn Nhật M, bị cáo Nguyễn Hoàng M, bị cáo Nguyễn Ngọc T, bị cáo Ngô Văn Đ, bị cáo Lê Hữu H, bị cáo Lâm Văn K có hành vi cố ý gây thương tích đối với anh Trần Trọng K và anh Nguyễn Thanh P với tỷ lệ thương tích lần lượt là 4% và 13%. Bị cáo C, bị cáo T, bị cáo K, bị cáo Hoàng M trực tiếp sử dụng hung khí nguy hiểm là dao tự chế (kiểu mã tấu) để chém gây thương tích cho anh K và anh P. Các bị cáo Nhật M, bị cáo T, bị cáo H, bị cáo Đ biết rõ bị cáo C rủ rê đi đánh nhau để giải quyết mâu thuẫn mà có sử dụng hung khí nguy hiểm nhưng vẫn tích cực giúp sức để tội phạm hoàn thành, nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời Ki của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, vật chứng được thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị

cáo phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2] Xét về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng, giữa bị hại và các bị cáo không có mâu thuẫn trước nhưng các bị cáo vẫn sử dụng hung khí nguy hiểm để gây thương tích cho bị hại. Đây là vụ án có đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn, các bị cáo vì mỗi quan hệ quen biết qua lại, khi biết có sự việc xảy ra thì đồng ý giúp sức, không có sự pH công, câu kết chặt chẽ trước khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo C là người rủ rê, thực hành. Các bị cáo T, K, Hoàng M vừa là người thực hành, vừa là đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần. Các bị cáo Đ, T, H, Nhật M là đồng phạm giúp sức về mặt tinh thần nên từng bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình đã gây ra.

[2.3] Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ tính mạng và sức khỏe của người khác, mà còn gây mất trật tự ở địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật mà vẫn cố ý thực hiện, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của các bị cáo. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên Hội đồng xét xử sẽ có cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T, Lâm Văn K, Lê Hữu H đều có nH tH tốt. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thái độ của các bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T, Lâm Văn K, Lê Hữu H, Ngô Văn Đ, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Nhật M tỏ ra thành khẩn Ki báo, ăn năn, hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T, Nguyễn Nhật M, Nguyễn Hoàng M, Lâm Văn K, Lê Hữu H, Nguyễn Ngọc T, Ngô Văn Đ đã bồi thường trách nhiệm dân sự cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T có bà nội là bà Lê Thị Nu là người có công với cách mạng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Lâm Văn K, Lê Hữu H, Nguyễn Ngọc T, Ngô Văn Đ khi phạm tội là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình.

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án này có một phần lỗi của bị hại K, bị hại K thừa nhận đã rủ bị cáo C đi giải quyết mâu thuẫn, lần thứ nhất bị cáo C không đi, lần thứ hai điện thoại thách thức bị cáo C kêu bị cáo C ra chợ Xã Lới, xã Tân Trung có bị hại đã ra đến chợ nên hai bên mới xảy ra việc gây

thương tích. Xét thấy các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Nhật M, Lâm Văn K, Lê Hữu H, Nguyễn Ngọc T, Ngô Văn Đ do bị cáo Trần Văn C rủ rê, có hai tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên căn cứ khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xét xử các bị cáo dưới khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 120cm; cán bằng sắt dài 70cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 170cm; cán bằng sắt dài 110cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 122cm; cán bằng sắt dài 52cm, lưỡi bằng sắt dài 70cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 110cm; cán bằng sắt dài 50cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 140cm; cán bằng sắt dài 90cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.

Đây là phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với con dao mà bị cáo K sử dụng gây thương tích, K trình bày mua trên mạng, sau khi gây án K giấu ở lùm cây gần cầu Gò Xoài. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công đã T hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với xe mô tô (không rõ biển số) do bị cáo Hoàng M đưa cho bị cáo Nhật M điều khiển chở đến địa điểm phạm tội. Qua làm việc, bị cáo Hoàng M trình bày xe mô tô là mượn của một người bạn tại xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Sau khi gây án, bị cáo Hoàng M đã trả xe nhưng không rõ nH tH, lai lịch của người cho mượn xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với xe mô tô (không rõ biển số) do bị cáo Đ điều khiển chở bị cáo C và bị cáo T đến địa điểm phạm tội. Qua làm việc, bị cáo Đ Ki xe là do bị cáo Đ mượn của bạn để đi chơi. Sau khi gây án, bị cáo Đ đã trả xe cho bạn. Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công không thu giữ được do người này không rõ lai lịch cụ thể.

Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công đã T hành truy tìm nhưng không thu giữ được nên không thu hồi được.

Do vật chứng hiện không còn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với xe mô tô biển số 63B6-188.07, nhãn hiệu Future (Xe do bị cáo H điều khiển chở bị cáo T và bị cáo K), xe của ông Trần Văn L, ông L không biết các bị cáo C và T lấy đi đánh nhau nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công đã trả cho ông L là có cơ sở nên ghi nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Theo đơn yêu cầu về việc bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm:

Anh Trần Trọng K yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích và tổn hại sức khỏe với số tiền 27.179.000 đồng gồm: (Tiền thuốc, viện phí, tiền khám điều trị thương tích là 329.000 đồng; Tiền thuê người nuôi bệnh trong thời gian 02 ngày x 400.000 đồng/ngày = 800.000 đồng; Tiền ăn uống của người bệnh trong thời gian 02 ngày x 300.000 đồng/ngày = 600.000 đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất của người bệnh là 03 tháng x 30 ngày/tháng x 200.000 đồng/ngày = 18.000.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 05 tháng lương cơ sở là 05 tháng x 1.490.000 đồng = 7.450.000 đồng) và yêu cầu bị cáo C bồi thường số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo C làm hư hỏng điện thoại di động.

Anh Nguyễn Thanh P yêu cầu các bị cáo bồi thường tiền điều trị thương tích và tổn hại sức khỏe số tiền 148.711.983 đồng, gồm: (Tiền thuốc, viện phí, tiền khám điều trị thương tích là 35.611.983 đồng; Tiền xe khám chữa bệnh là 04 chuyến x 900.000 đồng = 3.600.000 đồng; Tiền thuê người nuôi bệnh trong thời gian 10 ngày x 400.000 đồng/ngày = 4.000.000 đồng; Tiền ăn uống của người bệnh trong thời gian 10 ngày x 300.000 đồng/ngày = 3.000.000 đồng; Tiền thu nhập thực tế bị mất của người bệnh là 03 tháng x 30 ngày/tháng x 200.000 đồng/ngày = 18.000.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 50 tháng lương cơ sở là 50 tháng x 1.490.000 đồng = 74.500.000 đồng; Chi phí mổ lấy inox là 10.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị hại K và P yêu cầu bồi thường là 175.890.983 đồng.

Trong đó: Bị cáo C và bị cáo T tác động ông Trần Văn L (cha ruột của bị cáo C và bị cáo T) đã bồi thường cho anh K, anh P với số tiền là 50.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Nhật M tác động bà Nguyễn Thị Thanh Mai (mẹ ruột của bị cáo M) đã bồi thường cho anh K, anh P với số tiền 15.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền đã bồi thường là 65.000.000 đồng, còn lại số tiền mà bị hại yêu cầu là 110.890.983 đồng.

Tại phiên Toà:

Bị cáo Trần Văn C đã bồi thường cho bị hại K số tiền 1.000.000 đồng do bị cáo C làm hư hỏng điện thoại di động của anh K.

Các bị cáo Ngô Văn Đ, Lâm Văn K, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hoàng M, Lê Hữu H đã bồi thường cho anh K, anh P, cụ thể bị cáo Ngô Văn Đ bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, bị cáo Lâm Văn K bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, đã giao số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 10.000.000 đồng sẽ giao vào ngày 29/4/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc T bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng M bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Lê Hữu H bồi thường số tiền 2.500.000 đồng, tổng số tiền các bị cáo bồi thường thêm cho bị

hại K và P là 55.500.000 đồng (Bị hại K và P đã nhận số tiền 45.500.000 đồng, còn lại số tiền 10.000.000 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] *Đối với tiền thuốc, viện phí, tiền khám điều trị thương tích:*

+ Anh K yêu cầu bồi thường số tiền 329.000 đồng là hợp lý, Hoá đơn bán hàng số 0025724 ngày 22/11/2021 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công số tiền 760.445 đồng là hợp lý nên chấp nhận cho anh K.

+ Đối với yêu cầu của anh P:

. Theo hoá đơn, biên lai thu viện phí hợp lệ là số tiền 18.376.035 đồng (Gồm: Hoá đơn bán hàng số 0025467 ngày 22/11/2021 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công số tiền 199.883 đồng; Phiếu test Covid -19 cho người bệnh và người nuôi bệnh số tiền 315.000 đồng; Phiếu CDHA ngày 03/12/2021 số tiền 75.000 đồng; Phiếu PTTT ngày 03/12/2021 số tiền 32.900 đồng; Bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện Quận 11, thành phố Hồ Chí M số tiền 3.628.450 đồng; Bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện Quận 11, thành phố Hồ Chí M số tiền 14.124.802 đồng).

. Theo bảng kê chi phí và tiền thuốc điều trị thì không có biên lai mua lẻ số tiền 608.000 đồng, không có biên lai mua thuốc số tiền 137.500 đồng, không có biên lai mua thuốc bệnh viện Đa khoa Tiền Giang số tiền 97.200 đồng; Hoá đơn bán hàng số 0025724 ngày 22/11/2021 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Gò Công số tiền 760.445 đồng là tiền thuốc của anh Trần Trọng K; 02 Biên lai thu viện phí bệnh viện Quận 11 số tiền 4.841.902 đồng và Biên lai thu viện phí bệnh viện Quận 11 số tiền 9.282.900 đồng, tổng số tiền là 14.124.802 đồng trùng với Bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú của Bệnh viện Quận 11, thành phố Hồ Chí M số tiền 14.124.802 đồng đã được nêu trên nên đây là các khoản chi phí không phù hợp nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận số tiền 18.376.035 đồng.

[7.2] *Đối với tiền xe đi cấp cứu, ra viện, tái khám; Tiền thu nhập bị mất của người bệnh; Tiền thu nhập bị mất của người nuôi bệnh; Tiền ăn uống của người bệnh và người nuôi bệnh.* Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Đối với yêu cầu của anh K: Tại phiên toà, anh K xác định khi bị thương tích thì anh nghỉ làm 0,5 tháng nhưng anh yêu cầu tiền thu nhập bị mất là 03 tháng nên không có cơ sở, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận thu nhập thực tế bị mất của anh K là 01 tháng để anh phục hồi sức khỏe, anh cũng thừa nhận tại thời điểm anh bị gây thương tích, anh làm công NH ngày công lao động là 200.000 đồng nên tiền thu nhập thực tế bị mất của anh K là 6.000.000 đồng (01 tháng x 30 ngày x 200.000 đồng/ngày); Tiền thu nhập bị mất của người nuôi bệnh; Tiền ăn uống của người bệnh và người nuôi bệnh là phù hợp nên được chấp nhận với tổng số tiền là 1.400.000 đồng, tổng cộng số tiền 7.400.000 đồng.

+ Đối với yêu cầu của anh P gồm tiền xe đi cấp cứu (xe chuyển lên bệnh viện Quận 11, thành phố Hồ Chí M + 04 chuyến xe đi khám và tái khám, ra viện, tái khám (kể cả chi phí mở lấy inox); Tiền thu nhập bị mất của người bệnh;

Tiền thu nhập bị mất của người nuôi bệnh; Tiền ăn uống của người bệnh và người nuôi bệnh là phù hợp nên được chấp nhận với tổng số tiền là 40.200.000 đồng.

[7.3] Đối với tiền bồi thường tổn thất tinh thần:

+ Đối với yêu cầu của anh K yêu cầu bồi thường 05 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng với số tiền 7.450.000 đồng là phù hợp.

+ Đối với yêu cầu của anh P yêu cầu bồi thường 50 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng với số tiền 74.500.000 đồng, xét thấy với thương tích của anh P là 13%, anh vẫn đi làm sinh hoạt bình thường nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận bồi thường tổn thất tinh thần cho anh P là 20 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng với số tiền 29.800.000 đồng là phù hợp.

Tổng số tiền chi phí hợp lý của anh Trần Trọng K là tiền thuốc 1.089.445 đồng + tiền xe đi cấp cứu, ra viện, tái khám, tiền thu nhập bị mất của người bệnh; tiền thu nhập bị mất của người nuôi bệnh; tiền ăn uống của người bệnh và người nuôi bệnh là 7.400.000 đồng + tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 7.450.000 đồng = 15.939.445 đồng.

Tổng số tiền chi phí hợp lý của anh Nguyễn Thanh P là tiền thuốc 18.376.035 đồng + tiền xe đi cấp cứu, ra viện, tái khám, tiền thu nhập bị mất của người bệnh; tiền thu nhập bị mất của người nuôi bệnh; tiền ăn uống của người bệnh và người nuôi bệnh là 40.200.000 đồng + tiền bồi thường tổn thất tinh thần 29.800.000 đồng = 88.376.035 đồng.

Tổng cộng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Trọng K và anh Nguyễn Thanh P là 104.315.480 đồng. Anh P và anh K đã nhận số tiền bồi thường là 110.500.000 đồng là nhiều hơn so với số tiền các bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường. Anh P không yêu cầu bồi thường thêm, riêng anh K yêu cầu bồi thường thêm số tiền 100.000.000 đồng (tại phiên toà nhận 45.500.000 đồng, yêu cầu thêm 54.500.000 đồng) sẽ làm đơn bãi nại cho các bị cáo là không có cơ sở như nhận định trên.

Bị cáo C và bị cáo T đồng ý bồi thường thêm cho bị hại K và P số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/6/2023 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do anh K và anh P là anh em cùng mẹ khác cha nên tổng số tiền hai anh đã nhận bồi thường, hai anh thừa nhận đưa chung cho mẹ các anh là bà Trần Thị Mười cất giữ nên xác định hai anh đã nhận đủ số tiền bồi thường.

Bị cáo C và bị cáo T đồng ý hỗ trợ thêm cho bị hại K và P số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 02 tháng từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/6/2023 là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Ông Trần Văn L đã bồi thường thay cho bị cáo C và bị cáo T, bà Nguyễn Thị Thanh Mai đã bồi thường thay cho bị cáo Nhật M, không yêu cầu các bị cáo trả lại tiền nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm:

- Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Bị cáo Lâm Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về hành vi của những người liên quan:

Theo lời Ki của Nguyễn Quốc Tuấn, giữa Tuấn và nhóm của bị cáo Chiến có quan hệ bạn bè, hàng xóm, vào ngày 20/11/2022 Tuấn đi công việc không có ở nhà nên việc nhóm của bị cáo Chiến tập trung tại nhà của Tuấn, chuẩn bị hung khí để gây thương tích cho người khác thì Tuấn không biết, Tuấn không xúi giục nhóm của bị cáo Chiến đi đánh nhau. Lời Ki của Tuấn phù hợp với lời Ki của các bị cáo, ngoài lời Ki thì không có chứng cứ nào khác nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Tuấn với vai trò đồng phạm là có cơ sở.

Hành vi của các bị cáo diễn ra tại chợ Xã Lới, là nơi công cộng. Tuy nhiên, tại thời điểm xảy ra vụ án thì địa bàn thị xã Gò Công đã không còn áp dụng biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19, chợ Xã Lới chưa đi vào hoạt động nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Gò Công không xem xét trách nhiệm hình sự các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” là có cơ sở.

Theo lời Ki của anh Trần Trọng K, Trần Văn C trong quá trình gây thương tích đối với anh K có làm hư hỏng 01 điện thoại di động anh K để trong túi quần. Tuy nhiên, do điện thoại hư, không có giá trị cao nên anh K đã vứt bỏ nên không có cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi “Cố ý làm hư hỏng tài sản” đối với C.

* Ý kiến trình bày và đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo Trần Văn T và Trần Văn C có căn cứ một phần được chấp nhận một phần.

* Ý kiến trình bày và đề nghị của những người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhật M có căn cứ được chấp nhận.

Từ những pH tích nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T, Nguyễn Hoàng M, Lâm Văn K, Nguyễn Nhật M, Lê Hữu H, Nguyễn Ngọc T, và Ngô Văn Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn C 02 (*Hai*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2022 đến ngày 25/6/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/01/2022 đến ngày 05/4/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng M 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 38/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nH dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 (*Năm*) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lâm Văn K 01 (*Một*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/9/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật M 01 (*Một*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 229/2022/HS-PT ngày 08/12/2022 của Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 04 (*Bốn*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2023 (trừ thời gian tạm giam từ ngày 28/01/2022 đến ngày 02/8/2022).

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Hữu H 01 (*Một*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 01 (*Một*) năm 03 (*Ba*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số

139/2022/HS-PT ngày 07/7/2022 của Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang, tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 38/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nH dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 07 (Bảy) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2022.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; Điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 101; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54; Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 139/2022/HS-PT ngày 07/7/2022 của Tòa án nH dân tỉnh Tiền Giang, tổng hợp với hình phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” tại Bản án số 38/2022/HS-ST ngày 13/9/2022 của Tòa án nH dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 03 bản án là 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/02/2022.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 120cm; cán bằng sắt dài 70cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 170cm; cán bằng sắt dài 110cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 122cm; cán bằng sắt dài 52cm, lưỡi bằng sắt dài 70cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 110cm; cán bằng sắt dài 50cm, lưỡi bằng sắt dài 60cm.

- 01 (một) cây dao tự chế (mã tấu) dài 140cm; cán bằng sắt dài 90cm, lưỡi bằng sắt dài 50cm.

Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thị xã Gò Công và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 468; Điều 584 và Điều 590 của Bộ luật dân sự;

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Văn C và Trần Văn T liên đới bồi thường cho anh Trần Trọng K và anh Nguyễn Thanh P số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trong thời gian 02 tháng từ ngày 24/4/2023 đến ngày 24/6/2023.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lâm Văn K bồi thường cho anh Trần Trọng K và anh Nguyễn Thanh P số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào ngày 29/4/2023.

Kể từ ngày anh Trần Trọng K và anh Nguyễn Thanh P có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ bồi thường chậm bồi thường các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T, Nguyễn Nhật M, Lâm Văn K, Lê Hữu H, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Hoàng M và Ngô Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Trần Văn C, Trần Văn T liên đới chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị cáo Lâm Văn K phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nH dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nH dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Gò Công;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Gò Công

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Liễu